

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM THỦY
TỈNH THANH HOÁ**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 51/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29/7/2022

V/v: *Tranh chấp ly hôn và
nuôi con.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM THỦY

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Ánh Tuyết.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Tính và bà Triệu Thị Tình.

- Th ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền – Th ký TAND huyện Cẩm Thủy.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 41/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2022/QĐXX-ST, ngày 12 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Th sinh năm 1989.

Trú tại: Thôn Ch, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn Th sinh năm 1988

Trú tại: Thôn Ch, xã C, huyện C, tỉnh Thanh hoá. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 15/05/2022 và bản tự khai nguyên đơn là chị Bùi Thị Th trình bày: Chị và anh Lê Văn Th tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã C ngày 06/01/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được 8 năm. Sau đó, xảy ra mâu thuẫn vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thiếu sự quan tâm chia sẻ. Chị cũng đã cho anh Thành có thời gian để thay đổi nhưng vợ chồng

không thể hàn gắn được. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Thành.

Bị đơn anh Lê Văn Th trình bày: Anh và chị Th kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống. Anh đã nhiều lần khuyên bảo chị Th để vợ chồng, con cái đoàn tụ, anh còn rất yêu Thương vợ. Nay chị Th làm đơn xin ly hôn, anh không đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng chị Th và anh Thành có hai con chung là cháu Lê Anh Th – Sinh ngày 09/04/2010 và cháu Lê Tiến Đ – Sinh ngày 21/09/2012. Nay ly hôn chị Th có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Anh Th, không yêu cầu anh Thành phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Thành không đồng ý ly hôn, nhưng nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Tiến Đ, không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Chị Bùi Thị Th và anh Lê Văn Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, Th ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 51, điều 56, điều 57, điều 58 và điều 81, điều 82 và điều 83 – Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 điều 147 – BLTTDS. Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị Th được ly hôn anh Lê Văn Th.

Về con chung: Công nhận vợ chồng có 02 con chung là Cháu Lê Anh Th – Sinh ngày 09/04/2010 và cháu Lê Tiến Đ – Sinh ngày 21/09/2012. Giao cháu Lê Anh Th cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ tuổi thành niên, giao cháu Lê Tiến Đ cho anh Thành trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ tuổi thành niên. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung các bên không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản: Chị Th và anh Thành không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị Th phải chịu 300.000đ án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Bùi Thị Th làm đơn khởi kiện xin ly hôn đối với anh Lê Văn Th trú tại: Thôn Ch, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Do đó, việc chị Th khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, quy định tại điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chị Th và anh Thành có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 1 điều 227 và khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về hôn nhân: Chị Th và anh Thành kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa nên công nhận là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, thiếu sự quan tâm chia sẻ. Chị Th xin ly hôn, anh Thành không đồng ý ly hôn. Tòa án tiến hành hòa giải, nhưng anh Thành xin vắng mặt, chị Th đề nghị không tiến hành hòa giải. Anh Thành không đồng ý ly hôn, nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho mối quan hệ của anh chị đang tồn tại hạnh phúc. Anh cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, anh đã nhiều lần khuyên bảo chị Th, nhưng quan hệ vợ chồng không cải thiện được.

Xét mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, phát triển ngày một trầm trọng, mục đích hôn nhân không Đ được. Căn cứ vào điều 56 – Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Th được ly hôn anh Thành.

[4] Về con chung: Vợ chồng thống nhất có 02 con chung là Lê Anh Th – Sinh ngày 09/04/2010 và Lê Tiến Đ – Sinh ngày 21/9/2012. Chị Th có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Anh Th đến tuổi thành niên. Anh Thành có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Tiến Đ đến tuổi thành niên. Hai bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Theo đơn nguyện vọng của cháu Lê Anh Th và cháu Lê Tiến Đ đều có nguyện vọng được ở cùng với mẹ.

Nhưng chị Th có nguyện vọng nuôi cháu Lê Anh Th, anh Thành có nguyện vọng nuôi cháu Lê Tiến Đ. Xét nguyện vọng nuôi con của chị Th và anh Thành là chính đáng. Do đó, để đảm bảo quyền lợi cho con nên căn cứ Điều 81 – Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Lê Anh Th cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ tuổi thành niên. Giao cháu Lê Tiến Đ cho anh Thành trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ tuổi thành niên. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chị Th và anh Thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản: Chị Th và anh Thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Th phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điều 51, điều 56, điều 57, điều 81, điều 82, điều 83 - Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 4 điều 147, khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228, điều 238 và điều 273 Bộ luật TTDS. Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị Th được ly hôn anh Lê Văn Th.

Về con chung: Công nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Anh Th – Sinh ngày 09/04/2010 và cháu Lê Tiến Đ – Sinh ngày 21/9/2012. Giao cháu Lê Anh Th cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ tuổi thành niên. Giao cháu Lê Tiến Đ cho anh Thành trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ tuổi thành niên. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chị Th và anh Thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Thành và chị Th có quyền và nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về tài sản: Chị Bùi Thị Th và anh Lê Văn Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Th phải chịu 300.000đ án phí DSST được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0010332, ngày 18/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Chị Th đã nộp đủ án phí DSST.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- VKSND huyện Cẩm thủy.
- TAND tỉnh Thanh hoá.
- Chi cục THADS huyện Cẩm thủy.
- UBND xã C
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Vũ Thị Ánh Tuyết

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

